

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

Số: /2023/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp,

đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) có sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô

1. Định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Định mức tiêu hao nhiên} & & \text{Định mức tiêu hao nhiên} & & \\ \text{liệu} & = & \text{liệu theo thiết kế/thực tế} & \times & \text{Hệ số (K)} \\ \text{(lít/100km)} & & \text{(lít/100km)} & & \end{array}$$

Trong đó:

Hệ số (K) là hệ số phụ cấp nhiên liệu tính đối loại đường bình quân cho các tuyến đường; hoạt động của các thiết bị phụ tải đi kèm như: Gạt mưa, máy điều hòa không khí; các yếu tố ảnh hưởng như: Quay trở đầu xe, đường xấu, đèo dốc, hoạt động trên đoạn đường ngắn, cầu tạm, ... được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Định mức tiêu hao nhiên liệu theo thiết kế là định mức tiêu hao nhiên liệu được lấy theo thông số kỹ thuật về định mức tiêu hao nhiên liệu theo chu trình kết hợp đối với từng loại xe của các hãng xe.

Định mức tiêu hao nhiên liệu theo thực tế là định mức tiêu hao nhiên liệu áp dụng cho các loại xe ô tô quy định tại điểm b khoản 2 Điều này và được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Định mức tiêu hao nhiên} & & A & & \\ \text{liệu theo thực tế} & = & \frac{\quad}{C - B} & \times & 100 \\ \text{(lít/100km)} & & & & \end{array}$$

Trong đó:

A là số lượng nhiên liệu đổ lần thứ 2 tính theo lít.

B là số km ghi nhận khi bắt đầu đổ nhiên liệu lần đầu tiên.

C là số km ghi nhận khi đổ nhiên liệu lần thứ 2.

(“C-B” là quãng đường xe chạy theo chu trình kết hợp trong đô thị và ngoài đô thị được tính từ lần đổ nhiên liệu đầu tiên đến lần đổ nhiên liệu thứ 2, được hiểu theo cách khác là chênh lệch số km giữa 2 lần đổ nhiên liệu)

2. Định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô trong một số trường hợp đặc biệt:

a) Đối với xe ô tô hoạt động trên các tuyến đường giao thông chưa hình thành, tuyến đường giao thông loại 5, loại 6 quy định tại Điều 5 Quyết định số 32/2005/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về xếp loại đường để xác định cước vận tải đường bộ và Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân

dân tỉnh Gia Lai xếp loại đường bộ đối với đường tỉnh, đường huyện trên địa bàn tỉnh Gia Lai thì định mức tiêu hao nhiên liệu được tăng thêm nhưng không vượt quá 20% so với định mức tiêu hao nhiên liệu quy định tại khoản 1 Điều này và chỉ được áp dụng cho quãng đường đi thực tế trên tuyến đường đó.

b) Đối với xe ô tô chuyên dùng có sử dụng các thiết bị chuyên dùng và xe ô tô không có thông số về định mức tiêu hao nhiên liệu theo thiết kế của hãng xe thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị phối hợp với Sở Giao thông vận tải tổ chức xác định định mức tiêu hao nhiên liệu theo thực tế để tính định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe ô tô theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô quy định tại Điều 2 Quyết định này là định mức tối đa. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ định mức tiêu hao nhiên liệu quy định tại Quyết định này, tình hình sử dụng xe ô tô để quy định cụ thể định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô trong Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và Quy chế chi tiêu nội bộ, làm cơ sở xây dựng dự toán, cấp phát, thanh quyết toán chi phí sử dụng nhiên liệu xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và không vượt định mức tối đa.

2. Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức thực hiện Quyết định này; phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị xác định mức tiêu hao nhiên liệu theo thực tế theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Quyết định này khi được đề nghị; tổng hợp các vướng mắc, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định (nếu có).

3. Sở Tài chính theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện Quyết định này; phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị có liên quan tổng hợp các vướng mắc, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định (nếu có).

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 45/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành định mức tiêu hao nhiên liệu áp dụng đối với xe ô tô của các cơ quan hành chính, sự nghiệp có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc bổ sung Quyết định số 45/2008/QĐ-UBND ngày 20/8/2008 của UBND tỉnh về việc Ban hành định mức tiêu hao nhiên liệu áp dụng đối với xe ô tô của các cơ quan hành chính, sự nghiệp có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Báo Gia Lai;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC, CNXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Hải Long

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Hệ số (K)					
Xe hoạt động đến 100.000 km		Xe hoạt động trên 100.000 km đến 200.000 km		Xe hoạt động trên 200.000 km	
Khu vực miền núi, vùng cao	Các khu vực khác	Khu vực miền núi, vùng cao	Các khu vực khác	Khu vực miền núi, vùng cao	Các khu vực khác
1,35	1,1	1,4	1,15	1,45	1,2

** Số Km hoạt động tính theo bảng đo đồng hồ Công tơ mét của xe.*

** Căn cứ vị trí địa lý, điều kiện thực tế tại khu vực, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị áp dụng hệ số phụ cấp nhiên liệu phù hợp đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.*

** Khu vực miền núi, vùng cao được xác định theo Công văn số 930/BNV-CQĐP ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định đơn vị hành chính miền núi, vùng cao và hải đảo.*